CHUYÊN ĐỀ CÂU ĐIỀU KIỆN

I. Choose the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1. If I _____, I would express my feelings.

A. were asked **B.** would ask **C.** had been asked **D.** asked.

Question 2. If the weather _____ nice, we will go camping tomorrow.

A. were **B.** is **C.** had been **D.** will be

Question 3. Will you be angry if I _____ your pocket dictionary?

A. stole **B.** have stolen **C.** were to steal **D.** steal

Question 4. John would be taking a great risk if he _____ his money in that company.

A. would invest **B.** invested **C.** had invested **D.** invests

Question 5. If the wall weren't so high, he _____ it up to take his ball down.

A. climbed **B.** could climb **C.** is climbing **D.** climbs

Question 6. If I _____ her phone number, I would phone her.

A. had known **B.** would know **C.** know **D.** knew

Question 7. If he _____ the truth, the police wouldn't arrest him.

A. tells **B.** told **C.** had told **D.** would tell

Question 8. If you press that button what _____?

A. would happen **B.** would have happened

C. will happen **D.** happen

II. Put the verbs in the brackets into the correct form.

Question 9. Tom _____ (help) his mother do die gardening if she tell him a story this evening.

Question 10. If it _____ (rain), 1 will stay at dome.

Question 11. If they had enough money, they _____ (buy) a new house

Question 12. They _____ (pass) the exam if they studied harder.

Question 13. If Nick _____ (have) a hike, he could go on a bicycle tour with us.

Question 14. If I were you, I _____ (invite) John to the party.

Question 15. If the weather _____ (be) fine, the children can walk to school.

III. Choose the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction.

LIVEWORKSHEETS

Question 16. If we (**A**) have time (**B**) in the weekend, we (**C**) will come (**D**) to see you.

Question 17. If I (**A**) am you. I would (**B**) follow (**C**) his (**D**) advice.

Question 18. He can (**A**) pass (**B**) the exam if he (**C**) studied (**D**) hard.

Question 19. What (**A**) do you (**B**) do if you won (**C**) the first prize of (**D**) the lottery?

Question 20. Would people (**A**) be able (**B**) to fly, if they (**C**) have feathers (**D**) instead of hair?

IV. Complete each of the following sentences in such a way that it means the same as the sentence given.

Question 21. Study hard or you'll fail the exam.

⇨ If you don't _____ .

Question 22. I don't see you very often because you live so far.

⇨ If you _____ .

Question 23. I don't have enough money, so I'm not going to buy that skirt.

⇨ I'd _____ .

⇨ **Question 24.** We don't practice English very often - We can't communicate with foreigners.

We _____ .

Question 25. I can't meet you now- I have to work.

⇨ If _____

LIVEWORKSHEETS

C. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CẦN GHI NHỚ

Câu điều kiện dùng để nêu lên một giả thiết về một sự việc, hành động có thể xảy ra khi điều kiện được nói đến xảy ra. Câu điều kiện gồm 2 mệnh đề: mệnh đề *If* nêu lên điều kiện và mệnh đề nêu lên kết quả là mệnh đề chính.

*** Conditional sentences type 1 and 2 (Câu điều kiện loại 1 và loại 2)**

1. Conditional sentences type 1 (Câu điều kiện loại 1)

Use: Chỉ sự việc, hành động có thể xảy ra ở hiện tại hoặc trong tương lai. (Câu điều kiện có thực)

Form:

If clause	Main clause
If + S + V (present tense)...	**S + will / can/ may/ might + V (bare-inf)**

E.g: If I get the scholarship, I will study in England. (Nếu tôi nhận được học bổng thì tôi sẽ học ở nước Anh.)

If the weather is nice, I will go fishing. (Nếu thời tiết đẹp thì tôi sẽ đi câu cá.)

If I find her address, I'll send her an invitation. (Nếu tôi tìm thấy địa chỉ của cô ấy thì tôi sẽ gửi thiệp mời cho cô ấy.)

- Đảo ngữ: **If + S + V (present tense), ... = Should + S + V bare-inf, ...**

E.g: If he calls me, I'll answer immediately = Should he call me, I'll answer immediately. (Nếu anh ấy có gọi tôi thì tôi sẽ trả lời ngay lập tức.)

2. Conditional type 2 (Câu điều kiện loại 2)

Use: Chỉ sự việc, hành động không thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai, điều kiện chỉ là một giả thiết, một ước muốn trái ngược với thực tế ở hiện tại (Câu điều kiện không có thực ở hiện tại)

Form:

If clause	Main clause
If + S + V (past tense)/ could + V (bare-inf)...	**S + would/ could + V (bare-inf) ...**

E.g: If I were a millionaire, I would buy that house. (Nếu tôi là một triệu phú, tôi sẽ mua ngôi nhà đó)

If I had money, I could buy a new car. (Nếu tôi có tiền thì tôi có thể mua được ô tô mới.)

- **Note:** Trong câu điều kiện loại 2 thì động từ to be "were" thường được dùng với tất cả các chủ ngữ. Tuy nhiên, "was" vẫn có thể được sử dụng.

- Đảo ngữ: **If + S + V (past tense), ... = Were + S + to V/ Were + S + ..., ...**

E.g: If I were you, I would follow his advice. => Were I you, I would follow his advice. (Nếu tôi là bạn thì tôi sẽ nghe theo lời khuyên của anh ấy.)

If I had time, I woud visit you. => Were I to have time, I would visit you. (Nếu tôi có thời gian thì tôi sẽ đến thăm bạn.)

LIVEWORKSHEETS